

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DSST
Ngày : 30-3-2022
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cử và ông Nguyễn Thái Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Y Sura, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2022/TLST-DS ngày 14/01/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS ngày 28/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022 ngày 15/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1954. Nơi cư trú: 08/02 N1, phường 2, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy T1, sinh năm 1976. Nơi cư trú: khu phố T1, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên (*Theo giấy ủy quyền ngày 11/02/2022 được công chứng tại Văn phòng công chứng Võ Hùng*).

Bị đơn: Ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm: 1979. Nơi cư trú: 16/12 L, phường 2, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Nơi công tác: Công an xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Đại diện nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/5/2020 ông Nguyễn Bảo Q có vay tiền của bà Phạm Thị N số tiền 100.000.000đ và cam đoan trong thời hạn 02 tháng sẽ trả đủ số tiền trên. Đến ngày 23/6/2020, ông Nguyễn Bảo Q vay thêm tiền của bà Phạm Thị N số tiền 100.000.000đ. Tại giấy mượn tiền ngày 16/5/2020 và ngày 23/6/2020 có nội dung: “Tôi xóa nợ 100.000.000đ vay mới 200.000.000đ của bà N” đây là chữ viết, chữ ký của ông Nguyễn Bảo Q tự viết và tự ký. Tôi xác định hiện nay, ông Nguyễn Bảo Q còn nợ bà Phạm Thị N số tiền 200.000.000đ đến nay chưa trả cho bà N, mặc dù bà N đã đòi nợ N lần nhưng ông Q vẫn chưa trả số tiền 200.000.000đ. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Bảo Q trả đủ một lần số tiền 200.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản khai đề ngày 21/02/2022 bị đơn Nguyễn Bảo Q trình bày: Vào tháng 5/2020, tôi (Q) có vay của bà Phạm Thị N, sinh 1954, hộ khẩu thường trú phường 2, thành phố T, Phú Yên số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lý do trả tiền mua nhà tại thôn T2, xã S2, huyện S, tỉnh Phú Yên. Do điều kiện kinh tế khó khăn tôi (Q) không thể trả hết một lần số tiền trên, tôi (Q) cam kết trả nợ hàng tháng theo thu nhập 1.000.000 đồng hàng tháng theo lương. Nếu vi phạm cam kết tôi (Q) chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập họp lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, thời hiệu giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ tranh chấp: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn công tác tại Công an xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thời hiệu khởi kiện: Thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn theo quy định tại các Điều 184 và 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Xét thấy, bị đơn Nguyễn Bảo Q đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn cung cấp giấy mượn tiền bản viết tay đề ngày 23/6/2020. Đây là hợp đồng dân sự vay tài sản do hai bên tự nguyện giao kết, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực kể từ ngày giao kết. Hợp đồng này thể hiện vay số tiền 200.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không đề cập thời hạn trả tiền. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả đủ 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn xác nhận có vay và hiện còn nợ nguyên đơn 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn là đã vi phạm sự thỏa thuận giữa các bên, vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[4] Về ý kiến của bị đơn: Tại bản khai ngày 21/02/2022 bị đơn Nguyễn Bảo Q thừa nhận có vay và còn nợ nguyên đơn Phạm Thị N số tiền 200.000.000 đồng. Do điều kiện kinh tế có khó khăn, nên xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng và trả theo lương. Người đại diện không T1 nhất việc trả như trên của ông Nguyễn Bảo Q mà yêu cầu ông Nguyễn Bảo Q trả một lần dứt điểm để có tiền cho bà N đi chữa bệnh.

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 200.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự có giá ngạch với số tiền án phí phải chịu là 5% x 200.000.000 đồng = 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 185, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N.

2. Buộc bị đơn Nguyễn Bảo Q có nghĩa vụ trả đủ cho nguyên đơn Phạm Thị N số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Buộc bị đơn Nguyễn Bảo Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 200.000.000 đồng = 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn Phạm Thị N 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002683 ngày 14/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện S (02);
- THADS huyện S;
- Các đương sự (02);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung